

Bản án số: 94/2018/DS- ST
Ngày: 10 - 10 - 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Tân;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 đường Trần Hưng Đạo, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Ngọc P** – Giám đốc Chi nhánh Bến Tre (Quyết định về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với giám đốc Chi nhánh số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/2/2017)

Bà Phụng ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Duy Ph**, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: số 368 Đại lộ Đồng Khởi, phường BO, thành phố B, tỉnh BT (Quyết định ủy quyền ngày 13/7/2018)

Bị đơn: Ông **Trương Văn Nh**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: 26/2 ấp T, xã TP, huyện TP, tỉnh BT.

Địa chỉ tạm trú: số 237/1A khu phố 1, phường BO, thành phố B, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018, bản tự khai ngày 23/8/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Ph trình bày:*

Ngày 20/09/2016 ông Trương Văn Nh có ký hợp đồng tín dụng số 0993-16/HĐTD-BT với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT (Ngân hàng) để vay số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay là để thanh toán tiền mua đất, thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 22/9/2016 đến ngày 22/9/2026), lãi suất hai bên thỏa thuận là 12%/năm, lãi suất cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, kỳ hạn trả nợ gốc là ngày 22 hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/kỳ, kỳ hạn trả lãi là ngày 22 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Cùng ngày 20/9/2016, ông Nh có ký hợp đồng thế chấp số 309/2016/HĐTC/CNBenTre với Ngân hàng để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 185, 186 tờ bản đồ số 36 tại xã BTh, huyện G, tỉnh BT để đảm bảo thực hiện hợp đồng vay số tiền 240.000.000 đồng đã ký số 0993-16/HĐTD-BT ngày 20/09/2016 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT.

Trong thời gian vay, ông Nh đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 22.000.000đ đến kỳ trả nợ là ngày 22/9/2017 ông Nh không thực hiện trả nợ định kỳ như thỏa thuận trong hợp đồng, số nợ vốn vay của ông Nh tính đến ngày 24/9/2018 là 218.000.000 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nh trả số tiền vay tiền đến ngày 24/9/2018 tổng cộng là 249.113.242đ, trong đó nợ gốc là 218.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.918.200đ, nợ lãi quá hạn là 2.199.224đ. Ngân hàng yêu cầu ông Nh tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/9/2018 đến khi ông Nh thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, ông Nh không trả được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Ông Trương Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Nh không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về yêu cầu của Ngân hàng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng Ngân hàng yêu cầu ông Nh trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, mục đích vay tiền của ông Nh là thanh toán tiền mua đất, do đó xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

Tại thời điểm vay tiền địa chỉ của ông Nh là ở tại phường BO, thành phố B, tỉnh BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến

Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trương Văn Nh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Trương Văn Nh trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 24/9/2018 là 249.113.242đ, trong đó nợ gốc là 218.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 28.918.200đ, nợ lãi quá hạn là 2.199.224đ, đồng thời yêu cầu ông Nh tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/9/2018 đến khi ông Nh thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, ông Nh không trả được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0993-16/HĐTD-BT ngày 20/9/2016 xác định ông Nh đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay là để thanh toán tiền mua đất, thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 22/9/2016 đến ngày 22/9/2026), lãi suất hai bên thỏa thuận là 12%/năm, lãi suất cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, kỳ hạn trả nợ gốc là ngày 22 hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng, kỳ hạn trả lãi là ngày 22 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Vào ngày 22/9/2016 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 240.000.000đ cho ông Nh bằng hình thức nhận tiền mặt, hai bên có ký kết giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, do đó Hội đồng xét xử xác định ông Nh có vay Ngân hàng số tiền vay 240.000.000đ là có thật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nh đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 22.000.000đ, tiền lãi là 26.662.000đ nhưng khi đến kỳ trả nợ ngày 22/9/2017 ông Nh không tiếp tục việc trả vốn, lãi cho Ngân hàng, tính đến ngày 24/9/2018 ông Nh còn nợ Ngân hàng tiền vốn vay là 218.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 28.918.200đ, nợ lãi quá hạn là 2.199.224đ.

Căn cứ vào thông báo số 02/2018/TB-LienVietPosBank.BT ngày 18/01/2018 của Ngân hàng về việc thông báo nợ quá hạn cho ông Nh, biên bản làm việc ngày 10/01/2018, ngày 05/3/2018, 10/5/2018 cho thấy Ngân hàng đã có thông báo và làm việc với ông Nh để yêu cầu ông Nh thanh toán tiền nợ vốn vay và lãi, tại các biên bản làm việc ông Nh đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng sau đó ông Nh vẫn không trả khi đến hạn. Qua hợp đồng tín dụng số 0993-16/HĐTD-BT ngày 20/9/2016, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/9/2016 cho thấy ông Nh đã nhận đầy đủ số tiền của Ngân hàng giao cho ông nhưng ông không thực hiện việc trả tiền vốn, lãi khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay do hai bên ký kết tại điểm e khoản 7.1

Điều 7 của hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông Nh trả số tiền nợ vốn vay tính đến ngày 22/9/2018 là 218.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu ông Nh trả số tiền lãi tính từ ngày 22/8/2017 đến ngày 24/9/2018 là 31.113.242đ, trong đó tiền lãi trong hạn là 28.918.200đ, tiền lãi quá hạn là 2.199.224đ.

Hội đồng xét xử xét thấy do ông Nh không thanh toán tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký nên Ngân hàng yêu cầu ông Nh trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 0993-16/HĐTD-BT ngày 20/9/2016 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/9/2016 là có căn cứ nên được chấp nhận, cụ thể ông Nh phải trả tiền lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 24/9/2018 là 31.113.242đ, trong đó tiền lãi trong hạn là 28.918.200đ, tiền lãi quá hạn là 2.199.224đ. Ngoài ra ông Nh còn phải trả lãi suất quá hạn cho Ngân hàng tính từ ngày 25/9/2018 cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn, lãi ông Nh phải trả cho Ngân hàng tính từ ngày 22/9/2017 cho đến ngày 24/9/2018 là 249.113.242đ (Hai trăm bốn mươi chín ngàn một trăm mười ba ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng) trong đó tiền vốn là 218.000.000đ, tiền lãi là 31.113.242đ.

Bên cạnh việc yêu cầu ông Nh trả tiền vốn vay và lãi thì Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xem xét đến hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 309/2016/HĐTC/CNBenTre mà ông Nh và Ngân hàng đã ký kết ngày 20/9/2016, trường hợp ông Nh không trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 309/2016/HĐTC/CNBenTre ngày 20/9/2016 thì ông Nh có ký hợp đồng thế chấp để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 185 (36) diện tích 239,8m², 186 (36) diện tích 3718,5m² tọa lạc xã BTh, huyện G, tỉnh BT nhằm đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, chi phí, bồi thường thiệt hại và các khoản trả khác theo hợp đồng theo hợp đồng tín dụng số 0993-16/HĐTD-BT ngày 20/9/2016 đối với khoản vay 240.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng thế chấp sử dụng đất số 309/2016/HĐTC/CNBenTre ngày 20/9/2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng TH vào ngày 20/9/2016, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm là đúng quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Yêu cầu của Ngân hàng được xem xét chấp nhận nên Ngân hàng được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do ông Nh là người phải trả nợ cho Ngân hàng nên ông Nh phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: $249.113.242đ \times 5\% = 12.455.662đ$ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 424, 427, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với ông Trương Văn Nh.

2. Buộc ông Trương Văn Nh phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT tính đến ngày 24/9/2018 số tiền 249.113.242đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm mười ba ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng), trong đó tiền nợ vốn là 218.000.000đ (Hai trăm mười tám triệu đồng), tiền lãi 31.113.242đ (Ba mươi một triệu một trăm mười ba ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng).

Ông Nh còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc kể từ ngày 25/9/2018 cho đến khi trả hoàn tất nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 0993-16/HĐTD-BT ngày 20/09/2016 mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp ông Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 309/2016/HĐTC/CNBenTre ngày 20/9/2016 để trả nợ cho ngân hàng. Cụ thể tài sản thế chấp gồm:

+ Thửa đất số 185 tờ bản đồ số 36 diện tích 239,8m² do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp cho ông Trương Văn Nh ngày 21/7/2016 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02734;

+ Thửa đất số 186 tờ bản đồ số 36 diện tích 3718,5m² do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp cho ông Trương Văn Nh ngày 21/7/2016 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02733.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trương Văn Nh phải nộp là 12.455.662đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh BT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.991.000 (Năm triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017390 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Ngân hàng được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nh được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu